

CHIN 210 Intermediate Chinese I

Homework: Vocabulary

Lesson 15

呢 nē									
過 guò	过								
生 shēng									
日 rì									
舞 wǔ									

會 huì	会								
女 nǚ									
朋 péng									
友 yǒu									
表 biǎo									
姐 jiě									

班 bān									
做 zuò									
飯 fàn	飯								
汽 qì									
水 shuǐ									
果 guǒ									

汁 zhī									
接 jiē									
走 zǒu									
路 lù									
禮 lǐ	礼								
物 wù									

說 shuō	说								
到 dào									
聰 cōng	聪								
明 míng									
用 yòng									
功 gōng									

暑 shǔ									
期 qí									
學 xué	学								
校 xiào									
長 cháng	长								
得 dé									

可 kě									
愛 ài	愛								
前 qián									
年 nián									
屬 shǔ	屬								
狗 gǒu									

For Stroke Animation, please visit <http://www.ezlearnchinese.com>, select Language, College Language Class

鼻 bí									
子 zi									
嘴 zuǐ									
像 xiàng									
將 jiāng	将								
來 lái	来								

一 yī									
定 dìng									
臉 liǎn	臉								
腿 tuǐ	腿								
手 shǒu									
指 zhǐ									

以 yǐ									
后 hòu									
應 yīng	应								
該 gāi	该								
彈 dàn	弹								
鋼 gāng	钢								

琴 qín									
身 shēn									
高 gāo									
公 gōng									
分 fēn									
尺 chǐ									

For Stroke Animation, please visit <http://www.ezlearnchinese.com>, select Language, College Language Class

寸 cùn									
體 tǐ	体								
重 zhòng									
磅 bàng									
斤 jīn									
腳 jiǎo									

慶 qìng	庆								
祝 zhù									
站 zhàn									
男 nán									